

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Bản án số: 08/2023/KDTM-ST

Ngày: 22-6-2023

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
thuê tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Châu Thị Minh Thê
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn – Bà Ngô Thị Thúy Hảo
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Ngọc Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐHPT- KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A
Địa chỉ: Số 105 đường T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức M, chức vụ: Giám đốc (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K.
Địa chỉ: Số 782 đường B, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Hữu T, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, ông Nguyễn Đức M trình bày:

Ngày 02-7-2022 Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K (sau đây gọi tắt là Công ty K) ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc cho thuê thiết bị số 03/HĐKT – HH/2021 về việc thuê thiết bị phục vụ xây dựng công trình Novaland World Hồ T, Xuyên Mộc, Bình Châu cụ thể như sau:

Xà gò 4x8 (1m): 650 cây, giá thuê 700đ/1 cây x 650 cây x 30 ngày = 13.650.000đ/tháng.

Xà gò 5x10 (3m): 140 cây, giá thuê 1.500đ/1 cây x 140 cây x 30 ngày = 6.300.000đ/tháng.

Xà gò 5 vuông (2m): 154 cây, giá thuê 500đ/1 cây x 154 cây x 30 ngày = 2.310.000đ/tháng.

Xà gò 5 vuông (3m): 308 cây, giá thuê 1.000đ/1 cây x 308 cây x 30 ngày = 9.240.000đ /tháng.

Xà gò 4 vuông (1m): 154 cây, giá thuê 200đ/1 cây x 154 cây x 30 ngày = 924.000đ/tháng.

Xà gò 4 vuông (1,5m): 154 cây, giá thuê 500đ/1 cây x 154 cây x 30 ngày = 2.310.000đ/tháng.

Xà gò 4 vuông (2m): 154 cây, giá thuê 500đ/1 cây x 154 cây x 30 ngày = 2.310.000đ/ tháng.

Giàn giáo 1m7: 100 bộ (200 chân + 200 chéo), giá thuê 2.000đ/1 bộ x 100 bộ x 30 ngày = 6.000.000đ/tháng.

Giàn giáo 1m2 và 1m3: 100 bộ (200 chân và 200 chéo), giá thuê 2.000đ/1 bộ x 100 x 30 ngày = 6.000.000đ/tháng.

Tổng số tiền hàng tháng Công ty K phải thanh toán cho Công ty A là 49.044.000đ (bốn mươi chín triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Ngày 03-7-2022 Công ty A đã bàn giao toàn bộ thiết bị trên cho Công ty Kim Duy. Tính từ ngày 03-7-2022 đến ngày 04-11-2022 Công ty K phải thanh toán cho Công ty A số tiền thuê thiết bị là 208.694.300đ (hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng) nhưng Công ty K chỉ mới thanh toán được 83.400.000đ (tám mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng), hiện Công ty K còn nợ số tiền là 125.294.300đ (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng). Đã nhiều lần Công ty A yêu cầu Công ty K trả số tiền thuê còn thiếu và số thiết bị thuê nhưng đến nay Công ty K vẫn không thực hiện. Đến ngày 04-11-2022 Công ty K đã trả cho Công ty A hơn một nửa số vật liệu thuê, cụ thể như sau: Xà gò 4x8 (1m) trả 349 cây, còn nợ 301cây; Xà gò 5x10 (3m) trả 121 cây, còn nợ 19 cây; Xà gò 4 vuông (2m) trả 90 cây, còn nợ 64 cây; giàn giáo 1m2 trả 191 chân, còn nợ 09 chân; giàn giáo 1m7 trả 192 chân, còn nợ 08 chân; chéo trả 347 cây, còn nợ 53 cây. Nay Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty K phải thanh toán cho Công ty A số tiền thuê thiết bị còn thiếu tính đến ngày 04-11-2022 là 125.294.300đ (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng) và số thiết bị còn nợ là: Xà gò 4x8 (1m) 301cây; xà gò 5x10 (3m) 19 cây; xà gò 4 vuông (2m) 64 cây; giàn giáo 1m2, 09 chân; giàn giáo 1m7, 08 chân và chéo

53 cây. Chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc cho thuê thiết bị ngày 02-7-2022 giữa Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A và Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K.

Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K, người đại diện theo pháp luật là ông Hà Hữu T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa xét xử diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V cho rằng có căn cứ để xác định bị đơn còn nợ số tiền và số thiết bị trên của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc cho thuê thiết bị ngày 02-7-2022 giữa Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A và Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K; buộc Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K thanh toán số tiền 125.294.300đ (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng) và hoàn trả số thiết bị là: Xà gồ 4x8 (1m) 301cây; Xà gồ 5x10 (3m) 19 cây; Xà gồ 4 vuông (2m) 64 cây; giàn giáo 1m2, 09 chân; giàn gáo 1m7 08 chân và chéo 53 cây cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản”, bị đơn có địa chỉ tại Phường N, thành phố V nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bị đơn là Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng các quy định tại Điều 178, 179, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A yêu cầu Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K thanh toán số tiền 125.294.300đ (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng) và hoàn trả số thiết bị là: Xà gồ 4x8 (1m) 301cây; xà gồ 5x10 (3m) 19 cây; xà gồ 4 vuông (2m) 64 cây; giàn giáo 1m2, 09 chân; giàn giáo 1m7, 08 chân, chéo 53 cây và chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc cho thuê thiết bị ngày 02-7-2022 giữa Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A và Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K thì thấy: Ngày 02-7-2022 Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A và Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc cho thuê thiết bị số 03/HĐKT – HH/2021 về việc thuê thiết bị, căn cứ vào nội dung của Hợp đồng, ngày 03-7-2022 Công ty A đã bàn giao đầy đủ thiết bị cho Công ty K, có các phiếu giao hàng kèm theo, cụ thể như sau: Xà gồ 4x8 (1m): 650 cây; xà gồ 5x10 (3m): 140 cây; xà gồ 5 vuông (2m): 154 cây; xà gồ 5 vuông (3m): 308 cây; xà gồ 4 vuông (1m): 154 cây; xà gồ 4 vuông (1,5m): 154 cây; xà gồ 4 vuông (2m): 154 cây; giàn giáo 1m7: 100 bộ (200 chân + 200 chéo); giàn giáo 1m2 và 1m3: 100 bộ (200 chân và 200 chéo). Hàng tháng Công ty K phải thanh toán cho Công ty A 49.044.000đ (bốn mươi chín triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền thuê thiết bị. Tính đến ngày 04-11-2022 Công ty K phải thanh toán số tiền thuê thiết bị cho Công ty A là 208.694.300đ (hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng) nhưng Công ty K chỉ mới thanh toán được 83.400.000đ (tám mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) và một số thiết bị là: Xà gồ 4x8 (1m) 349 cây; xà gồ 5x10 (3m) 121 cây; xà gồ 4 vuông (2m) 90 cây; giàn giáo 1m2, 191 chân; giàn giáo 1m7, 192 chân; chéo 347 cây. Do đó Công ty K còn nợ Công ty A số tiền là 125.294.300đ (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng) và số thiết bị là: Xà gồ 4x8 (1m) 301cây; xà gồ 5x10 (3m) 19 cây; xà gồ 4 vuông (2m) 64 cây; giàn giáo 1m2, 09 chân; giàn giáo 1m7, 08 chân và chéo 53 cây. Đã nhiều lần Công ty A yêu cầu Công ty K thanh toán số tiền đã thuê thiết bị và hoàn trả số thiết bị còn thiếu nhưng Công ty K cố tình trốn tránh, không hợp tác. Theo quy định tại Điều 472 Bộ luật dân sự, Hợp đồng thuê tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê giao tài sản cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, bên thuê phải trả tiền thuê. Công ty A đã giao thiết bị cho Công ty K theo Điều I của Hợp đồng. Thời gian thực hiện Hợp đồng, giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán đã được các bên thỏa thuận theo quy định tại Điều II, Điều III và Điều IV của Hợp đồng phù hợp với các quy định tại Điều 473, 474, 481 và Điều 482 Bộ luật dân sự. Như vậy Công ty A đã giao tài sản cho Công ty K đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, tình trạng, thời điểm, địa điểm đã thỏa thuận nhưng Công ty K không trả đủ tiền thuê cũng như tài sản thuê đúng thời hạn và thỏa thuận trong Hợp đồng, Công ty K đã vi phạm Hợp đồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A. Buộc Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K thanh toán cho Công ty TNHH Cơ khí

Xây dựng Thương mại Dịch vụ A 125.294.300đ (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng) và số thiết bị là: Xà gồ 4x8 (1m) 301cây; xà gồ 5x10 (3m) 19 cây; xà gồ 4 vuông (2m) 64 cây; giàn giáo 1m2, 09 chân; giàn giáo 1m7, 08 chân và chéo 53 cây. Chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc cho thuê thiết bị số 03/HĐKT-HH/2021 ngày 02-7-2022 giữa Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A và Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại; Điều 472, 473, 474, 481 và Điều 482 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 178, 179, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A. Buộc Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K thanh toán cho Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A 125.294.300đ (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng) và số thiết bị là: Xà gồ 4x8 (1m) 301cây; xà gồ 5x10 (3m) 19 cây; xà gồ 4 vuông (2m) 64 cây; giàn giáo 1m2, 09 chân; giàn giáo 1m7, 08 chân và chéo 53 cây. Chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc cho thuê thiết bị số 03/HĐKT-HH/2021 ngày 02-7-2022 giữa Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A và Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán thêm cho người được thi hành án số tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán quy định tại Điều 306 Luật thương mại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Đầu tư – KT – XD K phải chịu 6.264.715đ (sáu triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ A được nhận lại 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003300 ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

